

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

FERROUS CHLORIDE			
Số CAS: 7758-94-3 Số UN: 1760 Số đăng ký EC: Chưa có thông tin Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại: mức độ 3 Nguy hiểm về cháy: 0 Độ hoạt động: 0			
PHẦN I: Thông tin sản phẩm và doanh nghiệp			
- Tên thường gọi của chất: Sắt (II) clorua			
- Tên thương mại: ferrous chloride			
- Nhà sản xuất, thông tin liên hệ : CÔNG TY TNHH HOÁ CHẤT VÀ MÔI TRƯỜNG VŨ HOÀNG Lô 109, KCX Và CN Linh Trung III, Xã An Tịnh, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. ĐT: (0276) 3899076 – 899077 – 899078 Fax: (0276) 3899075		Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: CÔNG TY TNHH HOÁ CHẤT VÀ MÔI TRƯỜNG VŨ HOÀNG Lô 109, KCX Và CN Linh Trung III, Xã An Tịnh, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. ĐT: (0276) 3899076 – 899077 – 899078 Fax: (0276) 3899075	
- Mục đích sử dụng: được sử dụng rộng rãi trong các ngành công nghiệp, xử lý nước thải			
PHẦN II: Thông tin về thành phần nguy hiểm			
Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng(% khối lượng)
Ferrous chloride	7758-94-3	FeCl ₂	(25 - 30)%
PHẦN III: Nhận dạng nguy hiểm			
1. Mức xếp loại nguy hiểm: Theo các tổ chức, thử nghiệm (EU, OSHA...) mức độ 3 *Biểu tượng GHS:			
			
2. Cảnh báo nguy hiểm: Nguy hiểm trong trường hợp tiếp xúc với da, mắt, đường hô hấp. Ăn mòn kim loại, da tay.			
3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng - Tiếp xúc với mắt: tổn thương giác mạc, có thể dẫn đến mù lòa. - Tiếp xúc với da: gây viêm da và phỏng rộp. - Hít phải sương hoặc hơi có thể gây kích ứng đường hô hấp và đường tiêu hóa, triệu chứng như hắt hơi và ho, trường hợp nặng hơn là tổn thương phổi, ngạt thở, bất tỉnh, nghiêm trọng có thể có thể dẫn đến tử vong.			
4. Tiềm năng mãn tính ảnh hưởng đến sức khỏe: - Tiếp xúc ở nồng độ cao: ảnh hưởng đến mắt, môi, miệng, rát cổ họng, ho, ỏi mưa. - Tiếp xúc ở nồng độ thấp và thường xuyên sẽ gây viêm màng mắt, mũi miệng, thanh quản, có thể tổn thương màng phổi và viêm phế quản.			
PHẦN IV: Biện pháp sơ cứu khi gặp tai nạn			
1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt - Kiểm tra và tháo kính sát trùng nếu có. Ngay lập tức rửa thật kỹ mắt với nước trong 15 phút, có thể sử dụng nước lạnh. Không sử dụng thuốc mỡ bôi mắt.			

- Lập tức đưa nạn nhân đến cơ quan y tế gần nhất.

2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da

- Cởi bỏ ngay quần áo, đồ bảo hộ khi bị dính dung dịch.

- Nhẹ nhàng rửa da với thật nhiều nước và xà phòng không ăn mòn. Nếu da bị kích ứng và sưng tấy phải đến bệnh viện để điều trị.

3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp

- Đưa nạn nhân đến vùng có không khí trong lành.

- Hô hấp nhân tạo nếu nạn nhân ngừng thở. Lưu ý: có thể nguy hiểm cho người sơ cứu.

- Cung cấp Oxy khi nạn nhân thở khó khăn (nhân viên y tế thực hiện).

- Lập tức đưa nạn nhân đến cơ quan y tế gần nhất.

4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa

- Rửa sạch miệng. Không gây nôn trừ khi có sự chỉ dẫn của nhân viên y tế.

- Không cho nạn nhân uống bất cứ cái gì khi nạn nhân bất tỉnh.

- Nói lỏng quần áo, cổ áo, thắt lưng, giữ nạn nhân ở tư thế thoải mái.

- Lập tức đưa nạn nhân đến cơ quan y tế gần nhất.

5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị (nếu có): bác sĩ yêu cầu tẩy rửa dạ dày.

PHẦN V: Biện pháp chữa cháy

1. Xếp loại về tính cháy: mức độ 0. Dung dịch $FeCl_2$ là loại sản phẩm không gây cháy nổ.

2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy: các oxit của sắt, khí HCl

3. Các tác nhân gây cháy, nổ: chưa có thông tin

4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác: phun nước, sương mù hoặc bột phù hợp với vật liệu xung quanh

5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy: Cứu hỏa phải mang thiết bị bảo hộ và dụng cụ thở khép kín.

6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ (nếu có): Không phù hợp

PHẦN VI: Biện pháp xử lý khi gặp sự cố tràn đổ, rò rỉ

1. Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ:

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động. Kiểm soát nguồn phát sinh rò rỉ.

- Dùng các vật liệu có khả năng thấm tốt để thấm thu gọn lại như cát. Có thể dùng vôi và soda để tạo kết tủa và trung hòa lượng $FeCl_2$ còn sót lại.

- Cát đã hấp thụ và các chất rắn kết tủa phải được xử lý theo quy định của nhà nước.

2. Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng

- Mặc ngay áo bảo hộ để chống lại chất ăn mòn và các thiết bị bảo hộ khác như găng tay, mắt kính ủng cao su, đeo cả thiết bị chống khí độc để chống việc hít phải khí độc.

- Ngăn chặn rò rỉ nếu không nguy hiểm. Dùng cát, đất tạo bờ chắn xung quanh không để hóa chất chảy lan rộng, dùng dụng cụ múc thu gom chứa hóa chất tràn đổ vào thiết bị chứa khác để đưa về nơi sản xuất xử lý.

- Có thể dùng các chất mang tính kiềm như soda, NaOH, $Ca(OH)_2$ để trung hòa lượng chất bị rò rỉ. Khi tiến hành phải thông gió nơi xảy ra sự cố.

- Phương pháp xử lý: đối với những thiết bị bị nhiễm hóa chất thì phải làm sạch ngay lập tức để tránh bị mài mòn hay nhiễm hóa chất. Các chất rắn dùng để hấp thụ và trung hòa phải thu gom về nơi quy định và xử lý theo quy định của nhà nước.

PHẦN VII: Sử dụng và bảo quản

1. Sử dụng

- Tránh tiếp xúc với da, mắt và quần áo.

- Dụng cụ bảo hộ: khẩu trang, mặt nạ, găng tay bảo hộ, giày bảo hộ, quần áo chống chất ăn mòn.

Thông gió nơi làm việc, trong trường hợp không có thông gió phải mang thiết bị thở thích hợp.

2. Bảo quản

- Đối với điều kiện trữ và đóng gói: trữ tại nơi thông thoáng, thoáng mát.

- Lưu trữ trong những nơi chuyên dành cho trữ hóa chất. Tránh khỏi nắng nóng mặt trời hoặc những va chạm vật lý.

<ul style="list-style-type: none"> - Rửa sạch tay sau khi sử dụng. Tránh để vẩy vào mắt, da hoặc quần áo. - Phương pháp đảm bảo an toàn: Không được cắt, hàn, khoan gần bề mặt của thùng chứa. - Vật liệu sử dụng thích hợp: vật liệu composit, thủy tinh, PVC, PE, tránh chứa bằng bồn chứa kim loại sắt. 				
PHẦN VIII: Kiểm soát tiếp xúc và phương tiện bảo hộ cá nhân				
<p>1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết: thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời giờ làm việc...</p> <p>2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảo vệ mắt: Dùng kính bảo hộ lao động. - Bảo vệ thân thể: Mặc quần áo bảo hộ lao động, tạp dề chống hóa chất. - Bảo vệ tay: găng tay cao su - Bảo vệ chân: Đi giày hoặc ủng cao su - Hô hấp: mang khẩu trang hoạt tính hoặc mặt nạ phòng độc. <p>3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố: Mũ trùm đầu, quần áo chống thấm, găng tay cao su, ủng...</p> <p>4. Các biện pháp vệ sinh : Tắm rửa vệ sinh thân thể khi tiếp xúc với hóa chất.</p>				
PHẦN IX: Đặc tính hóa lý				
Trạng thái vật lý: thể lỏng		Điểm sôi (⁰ C): ~ 106 ⁰ C		
Màu sắc: màu xanh rêu		Điểm nóng chảy (⁰ C): không phù hợp		
Mùi đặc trưng: mùi hăng		Điểm bùng cháy (⁰ C): không phù hợp		
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: 40 mm HG ở 35 ⁰ C		Nhiệt độ tự cháy (⁰ C): không phù hợp		
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: chưa có thông tin		Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): không phù hợp		
Độ hòa tan trong nước: hòa toàn trong nước		Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): không phù hợp		
Độ pH: dung dịch có tính acid pH <1		Tỷ lệ hoá hơi: không xác định		
Khối lượng riêng (g/cm ³): 1.29-1.31 (dung dịch 30%)		Các tính chất khác (nếu có):		
PHẦN X: Tính ổn định và khả năng phản ứng				
<p>1. Tính ổn định : Ổn định trong điều kiện bình thường sử dụng và lưu trữ.</p> <p>2. Khả năng phản ứng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Những vật liệu cần tránh: nhựa thông, những loại vật liệu dễ ăn mòn như gỗ, vải, chất hữu cơ, kim loại như sắt... - Vật liệu không tương thích: kiềm, nhôm và hợp kim nhôm, đồng và hợp kim đồng, thép cacbon, thép không gỉ... - Khả năng gây hại: khi phản ứng với các chất trên nó sẽ giải phóng chất độc, tạo sự ăn mòn 				
PHẦN XI: Thông tin về độc tính				
Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
FeCl ₂	LD50	984 mg/kg	Miệng	Chuột, thỏ
<p>1. Các ảnh hưởng mãn tính với người (Ung thư, độc sinh sản, biến đổi gen...): độc hại cho phổi và màng nhầy.</p> <p>2. Các ảnh hưởng độc khác: chưa có thông tin</p>				
PHẦN XII: Thông tin về sinh thái môi trường				
Tác động trong môi trường				
Ảnh hưởng đến sinh vật: Ảnh hưởng độc hại đến cá và sinh vật phù du. Độ độc hại phụ thuộc vào chỉ số pH. Không gây ra sự thiếu hụt oxy. Cần trung hòa hóa chất này trong các nhà máy xử lý chất thải.				
PHẦN XIII: Biện pháp và quy định về tiêu hủy hóa chất				

<p>1. Thông tin quy định tiêu hủy (thông tin về luật pháp)</p> <p>2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải:</p> <p>3. Biện pháp tiêu hủy: không thải trực tiếp ra môi trường. Xử lý rác thải theo quy định của nhà nước</p>
<p>PHẦN XIV: Quy định về vận chuyển</p> <p>- FeCl₂ có thể vận chuyển bằng thùng P.V.C hoặc thùng polyetylen cứng và phải có khung gỗ hay sắt để bảo vệ. Trên mặt các thùng chứa phải ghi: Chất ăn mòn.</p> <p>- Không vận chuyển hoá chất nguy hiểm với người, gia súc và các hàng hoá khác.</p> <p>- Trên đường vận chuyển chủ phương tiện không đỗ dừng phương tiện ở nơi công cộng, đông người.</p>
<p>PHẦN XV: Thông tin về luật pháp</p> <p>1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới: Chưa có thông tin</p> <p>2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký: chưa có thông tin</p>
<p>PHẦN XVI: Thông tin khác</p> <p>Ngày tháng biên soạn phiếu 10/ 01/2017</p> <p>Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 20/01/2018</p> <p>Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: Công ty TNHH Hóa chất và Môi trường Vũ Hoàng</p> <p>Lưu ý người đọc: Những thông tin trong phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.</p> <p>Hoá chất nguy hiểm trong phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc</p>